

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
ĐỢT 2 - NĂM 2025

Trình độ Anh ngữ Bậc 2 (A2)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM CÁC KỸ NĂNG				TỔNG CỘNG	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
						NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI			
1	2310040034	Nguyễn Lương	Nhân	06/06/2005	C25CK1	4.8	4.3	0.5	5.0	3.7	Không đạt	
2	2310040069	Trần Quốc	An	11/02/2005	C25CK2							Vắng thi
3	2310040018	Nguyễn Minh	Tiến	23/11/2005	C25CK2			1.3				
4	2310030026	Ngô Hoàng	Khang	26/01/2005	C25DDT	4.0	6.1	0.0	3.2	3.3	Không đạt	
5	2310110028	Nguyễn Thị Yến	Vy	26/09/2005	C25KT2	5.6	7.9	5.3	5.3	6.0	Đạt	
6	2310150013	Trần Gia	Huy	26/03/2005	C25LG1	7.2	7.5	6.5	7.9	7.3	Đạt	
7	2310150048	Ngô Lê Gia	Đạt	27/04/2004	C25LG2	6.8	5.5	4.5	8.3	6.3	Đạt	
8	2310150037	Huỳnh Thị Kim	Thanh	12/10/2005	C25LG2	6.4	9.7	7.0	7.4	7.6	Đạt	
9	2310150043	Lê Thái Minh	Thư	14/10/2005	C25LG2	7.6	8.9	8.0	8.5	8.3	Đạt	
10	2310150054	Nguyễn Thị Ngọc	Uyên	26/08/2004	C25LG2	9.2	7.9	7.5	7.5	8.0	Đạt	
11	2310100022	Sơn Thị Sa	Rây	18/03/2005	C25QT1	6.0	8.2	0.8	4.9	5.0	Không đạt	
12	2310100028	Văn Thị Mai	Thy	26/11/2005	C25QT1	4.4	7.4	1.5	2.8	4.0	Không đạt	
13	2310100045	Huỳnh Ngọc Khánh	Linh	16/11/2005	C25QT2	8.4	8.6	2.5	6.8	6.6	Đạt	
14	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	27/07/2005	C25QT2							Vắng thi
15	2310100057	Nguyễn Thị Phương	Quyên	26/07/2005	C25QT2	7.6	8.2	2.3	4.9	5.8	Đạt	
16	2310160030	Phạm Nguyễn Trường	An	29/09/2005	C25TM	4.8	5.7	2.0	5.2	4.4	Không đạt	
17	2310160015	Nhan Thanh	Mai	14/12/2005	C25TM	8.4	8.0	8.0	6.1	7.6	Đạt	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM CÁC KỸ NĂNG				TỔNG CỘNG	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
						NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI			
18	2310160020	Lư Trúc	Mai	07/05/2005	C25TM	9.2	9.6	6.8	7.3	8.2	Đạt	
19	2310160027	Nguyễn Ánh	Như	06/05/2005	C25TM	9.6	10.0	8.0	9.2	9.2	Đạt	
20	2310160019	Trần Trúc	Phuong	26/10/2005	C25TM	8.0	9.6	5.3	6.2	7.3	Đạt	
21	2310010024	Phạm Thiên	Hào	02/10/2005	C25TH1	3.2	7.3	2.5	5.4	4.6	Không đạt	
22	2310010035	Trần Quang	Huy	02/09/2005	C25TH1	6.4	8.6	6.0	5.7	6.7	Đạt	
23	2310010022	Nguyễn Tấn	Phát	24/10/2005	C25TH1	4.0	6.6	3.5	4.7	4.7	Không đạt	
24	2310010011	Trần Phước	Tấn	30/09/2005	C25TH1	6.0	9.1	5.5	6.0	6.7	Đạt	
25	2310010055	Võ Thành	Đăng	18/05/2003	C25TH2	8.0	8.8	2.3	8.7	7.0	Đạt	
26	2310010062	Nguyễn Huỳnh Hữu	Nghĩa	26/05/2005	C25TH2	7.6	9.4	4.3	7.1	7.1	Đạt	
27	2310010051	Trần Minh	Thuận	11/01/2005	C25TH2	5.2	8.7	0.0	3.6	4.4	Không đạt	
28	2310010045	Phùng Minh	Trí	27/04/2005	C25TH2	6.8	9.6	2.3	3.9	5.7	Đạt	
29	2310010072	Nguyễn Hoàng Trọng	Hiếu	15/09/2005	C25TH3	8.8	10.0	3.5	9.4	7.9	Đạt	
30	2310010096	Trần Hồng	Ngoan	10/03/2005	C25TH3	6.4	9.6	1.5	2.8	5.1	Đạt	
31	2310010095	Nguyễn Hữu	Trí	06/10/2005	C25TH3	8.0	9.2	7.0	4.7	7.2	Đạt	
32	2410030003	Lâm Vũ	Hào	26/02/2006	C26DDT1	6.4	6.6	0.0	5.6	4.7	Không đạt	
33	2410030032	Nguyễn Lê Kha	Vỹ	16/12/2006	C26DDT1	6.0	5.7	0.0	5.3	4.3	Không đạt	
34	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006	C26KT	10.0	9.2	9.5	9.2	9.5	Đạt	
35	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20/10/2004	C26LG1	9.2	9.3	7.8	7.3	8.4	Đạt	
36	2410150002	Lê Anh	Thư	19/01/2003	C26LG1	8.0	9.2	8.5	7.5	8.3	Đạt	
37	2410150029	Trần Thị Thanh	Trúc	22/07/2005	C26LG1	9.2	9.1	9.0	7.9	8.8	Đạt	
38	2410120025	Phạm Quỳnh	Duy	21/01/2006	C26TC	9.2	9.8	6.8	8.3	8.5	Đạt	
39	2410120028	Phan Văn	Kha	23/12/2003	C26TC	8.0	8.3	5.3	8.5	7.5	Đạt	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM CÁC KỸ NĂNG				TỔNG CỘNG	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
						NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI			
40	2410120014	Nguyễn Minh	Quyền	04/08/2006	C26TC	8.0	7.5	4.0	7.3	6.7	Đạt	
41	2410030016	Dương Minh	Tiến	04/06/2006	C26TC	4.0	2.7	0.0	6.7	3.4	Không đạt	
42	2410120013	Lê Minh	Thuận	05/05/2006	C26TC	8.4	8.4	3.5	6.8	6.8	Đạt	
43	2410170032	Nguyễn Trần Kỳ	Phong	21/05/2006	C26TK	8.4	9.2	5.5	8.8	8.0	Đạt	
44	2410170009	Tất Tịnh	Nhi	25/05/2006	C26TK1	8.4	7.3	5.8	8.4	7.5	Đạt	
45	2410170049	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	05/04/2006	C26TK2	8.4	8.0	4.3	7.9	7.2	Đạt	
46	2410160020	Đào Thị Hồng	Ngọc	23/08/2006	C26TM1	10.0	10.0	8.5	6.2	8.7	Đạt	
47	2410010007	Ngự Trung	Toàn	12/11/2006	C26TH	7.6	7.9	5.8	8.8	7.5	Đạt	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2026